

THỰC TRẠNG CỦA VIỆC ÁP DỤNG NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU CHO SINH VIÊN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Thị Diễm Cần

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

Tóm tắt. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm khảo sát sự hiểu biết của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) về nghiên cứu hành động (NCHĐ), qua đó xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng của việc ứng dụng NCHĐ trong nâng cao chất lượng giảng dạy kĩ năng đọc hiểu (CLGDKNĐH) cho SV học tiếng Anh chuyên ngành (TACN) tại trường ĐHCT. Số liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 20 GV và 200 SV đã và đang dạy, học TACN tại trường ĐHCT. Thống kê mô tả, kiểm định Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy đa biến được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, GV và SV dạy, học TACN tại trường ĐHCT có thái độ tích cực về ảnh hưởng của NCHĐ đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và chất lượng học TACN của họ, đặc biệt là việc áp dụng NCHĐ vào việc giảng dạy kĩ năng đọc hiểu của TACN tại trường ĐHCT. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra được có 04 nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng NCHĐ trong việc cải tiến chất lượng dạy và học TACN là môi trường và cơ sở vật chất (MT&CSV), kĩ năng, phương pháp giảng dạy và từ vựng; trong đó MT&CSV là yếu tố tác động mạnh nhất đến việc nâng cao CLGDKNĐH cho SV học TACN.

Từ khóa: Đại học Cần Thơ, Nghiên cứu hành động, Tiếng Anh chuyên ngành.

1. Mở đầu

NCHĐ là phương pháp nghiên cứu đã xuất hiện vào khoảng những năm 1940, được dùng chủ yếu trong lĩnh vực xã hội học để chỉ những nghiên cứu thực tiễn nhằm đem lại những thay đổi trong xã hội. Mục đích chính của NCHĐ là giúp GV tìm ra các vấn đề nảy sinh trong quá trình giảng dạy, đề xuất các giải pháp và thử nghiệm các giải pháp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, từ đó nâng cao kết quả học tập của học sinh, nâng cao năng lực tự phát triển nghề nghiệp cho GV, khuyến khích GV trở thành những người học liên tục trong lớp học và trường học của họ [9] hay NCHĐ là sự giải phóng và quyền tự chủ về trí tuệ, đạo đức và tinh thần [8]. Từ đó, NCHĐ đã trở thành một công cụ phát triển

Ngày nhận bài: 19/1/2019. Ngày sửa bài: 29/2/2019. Ngày nhận đăng: 12/4/2019.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Diễm Cần. Địa chỉ e-mail: ttdcan@ctu.edu.vn

ngành nghiệp cho GV phổ biến trên thế giới và bắt đầu nhận được sự chú ý đối với các nhà nghiên cứu tại Việt Nam.

Trong xu hướng chung về đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ cần thiết, nhiều nghiên cứu đề cập việc dạy và học TACN như là một bộ phận không thể tách rời và có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, việc ứng dụng NCHĐ vào thực tiễn lại gặp không ít những khó khăn. Tại ĐHCT, TACN đang được chú trọng và đưa vào chương trình giảng dạy cho từng chuyên ngành cụ thể trong những năm gần đây và kỹ năng đọc hiểu lại là một trong những kỹ năng mà sinh viên ở ĐHCT nói riêng và ở Việt Nam nói chung cần được cải thiện nhiều nhất. Người dạy TACN trong giai đoạn hiện tại được kỳ vọng sẽ sử dụng một phương pháp tiếp cận mới trong quá trình giảng dạy. Người dạy và người học phải đều phải đóng góp vào việc xây dựng môi trường học có lợi cho các tình huống chuyên nghiệp và cá nhân của sinh viên khác nhau bằng cách làm việc trong quan hệ đối tác giữa GV và sinh viên. Từ những lý do trên, nghiên cứu tìm hiểu *“Thực trạng của việc áp dụng nghiên cứu hành động trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên học Tiếng Anh chuyên ngành tại trường Đại học Cần Thơ”* là cần thiết trong tình hình hiện nay.

NCHĐ là sự kết hợp giữa nghiên cứu và hành động, đó là suy nghĩ phản tỉnh về những gì mình đang làm, được thu thập trong công việc hàng ngày, rồi biến thành hành động nhằm cải thiện công việc của mình. Ngoài ra, nghiên cứu hành động cung cấp cho GV các kỹ năng, kiến thức chuyên môn cần thiết có ảnh hưởng tích cực thay đổi trong lớp học, trường học và cộng đồng [1; 3; 5]. Nghiên cứu cho thấy chu trình của nghiên cứu hành động gồm thiết kế vấn đề nghiên cứu – thu thập số liệu – phân tích số liệu – truyền đạt kết quả - thực hiện hành động. Điều này cho thấy các trường đại học phải bao gồm nghiên cứu hành động như một đơn vị nòng cốt trong các chương trình đào tạo GV- ở cấp độ đại học hoặc sau đại học vì trình tự NCHĐ có giá trị đáng kể để cải thiện thực hành trong lớp học, trường học và cộng đồng [5].

Khi đề cập về các giải pháp cải tiến phương pháp giảng dạy ở bậc đại học theo hướng hiện đại. Đã có nhiều hội thảo và các bài tham luận bàn về một số tiêu chí của một trường đại học cần đáp ứng để tạo nên giáo dục hiện đại. Đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp để cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy, hiệu quả giáo dục và đào tạo ở bậc đại học. Quan điểm về mỗi phương pháp đều có những ưu và khuyết điểm riêng cần có lựa chọn một cách chọn lọc và hợp lý phù hợp với định hướng của từng trường [2].

Việc ứng dụng phương pháp nghiên cứu hành động (action research) vào hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn tiếng Anh là chủ yếu. Các nghiên cứu hầu như khái quát về các lý thuyết liên quan đến nghiên cứu hành động. Trong đó, đề cập đến các khái niệm xuất phát từ những tác giả trên thế giới. Đồng thời cũng trình bày 2 mô hình nghiên cứu hành động tiêu biểu, kết hợp với những nguyên tắc thực hiện nghiên cứu hành động. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra một số phương pháp ưu tiên sử dụng như giảng viên thuyết trình, phương pháp thảo luận nhóm, cá nhân thuyết trình, thực hiện bài tập lớn hoặc viết tiểu luận, bàn bạc hội ý, hội thảo, hội nghị, động não, diễn kịch, nghiên cứu tình huống. Việc luôn suy nghĩ đổi mới phương pháp giảng dạy là một điều hay ở một số thầy cô nhất định nhưng một số thầy cô khác thì cứ cố gắng việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong tình trạng vẫn chưa nắm rõ cần đổi mới ở điểm nào và vô tình biến sinh viên trở thành vật thí nghiệm cho những đổi mới trên. Nghiên cứu cũng đề xuất một số

hoạt động có thể thực hành NCHĐ nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy của GV, đặc biệt là GV ngoại ngữ [4].

Tác giả nhận thấy một số hạn chế từ các nghiên cứu trước là thực hiện NCHĐ trên phạm vi hẹp với những nhóm nhỏ và đối tượng có giới hạn, phát triển theo chiều sâu chứ chiều rộng chưa được thể hiện rõ. Hầu hết các nghiên cứu chủ yếu đề cập về việc giảng dạy tiếng Anh nhưng vẫn chưa tập trung vào từng kĩ năng cụ thể; chưa thể hiện được thực trạng ứng dụng của các NCHĐ vào một số môn học đặc biệt trong môi trường Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam...

Điểm mới của nghiên cứu này đã cho thấy giảng viên tiếng Anh tại trường ĐHCT có nhận thức tích cực về ảnh hưởng của NCHĐ đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy, tuy nhiên, quá trình thực hiện NCHĐ vẫn còn gặp phải không ít thách thức. Từ đó phát hiện và đề xuất những giải pháp phù hợp trong bối cảnh hiện tại nhằm khuyến khích đội ngũ giảng viên tiếng Anh nói riêng và giảng viên của ĐHCT nói chung có thêm động lực tiến hành NCHĐ trên lớp học để hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy của họ, góp phần nâng cao uy tín về chất lượng đào tạo của trường ĐHCT trong bối cảnh cạnh tranh về thị trường giáo dục hiện nay; trong đó là việc áp dụng NCHĐ đối với kĩ năng đọc hiểu của TACN tại trường ĐHCT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu tìm hiểu về thực trạng áp dụng NCHĐ trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy kĩ năng đọc hiểu cho sinh viên học TACN tại trường Đại học Cần Thơ được thực hiện qua 2 bước chính là nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức.

➤ **Nghiên cứu sơ bộ:** áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc tham khảo ý kiến người có thâm niên trong ngành, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để hình thành các tiêu chí đánh giá đo lường.

➤ **Nghiên cứu chính thức**

Kích thước mẫu đề ra cho nghiên cứu này là 200 bảng (bảng câu hỏi tối thiểu phải thu là 160 bảng). Số liệu của nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2018 tại ĐHCT. Với 220 bảng câu hỏi được phát ra, có 20 bảng không đạt yêu cầu do thiếu thông tin, chưa học TACN nên bị loại bỏ; thu về 200 bảng, đạt tỉ lệ 90,9% với tỉ lệ các khoa như sau:

Bảng 1. Số lượng mẫu khảo sát sinh viên theo khoa

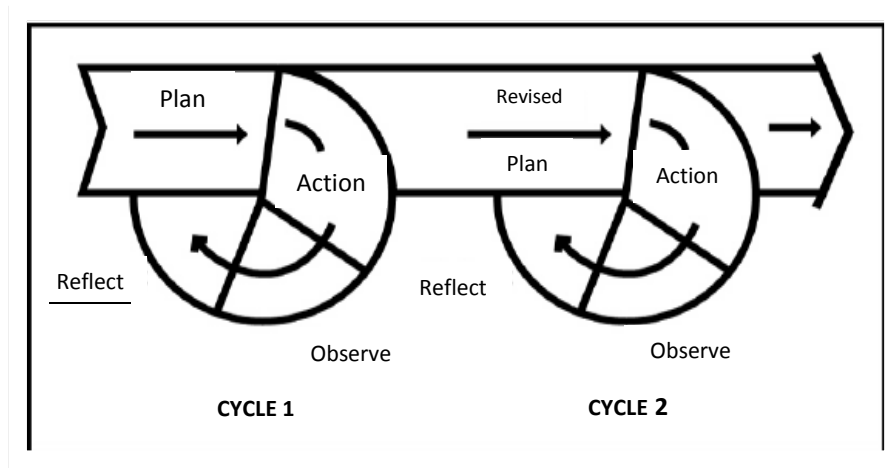
Khoa	Tỉ lệ (%)
KHXH&NV	25,5
Công nghệ	24
Nông nghiệp	23
Kinh tế	16,5
Thủy sản	11

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, 2018)

Thực trạng của việc áp dụng nghiên cứu hành động trong việc nâng cao chất lượng...

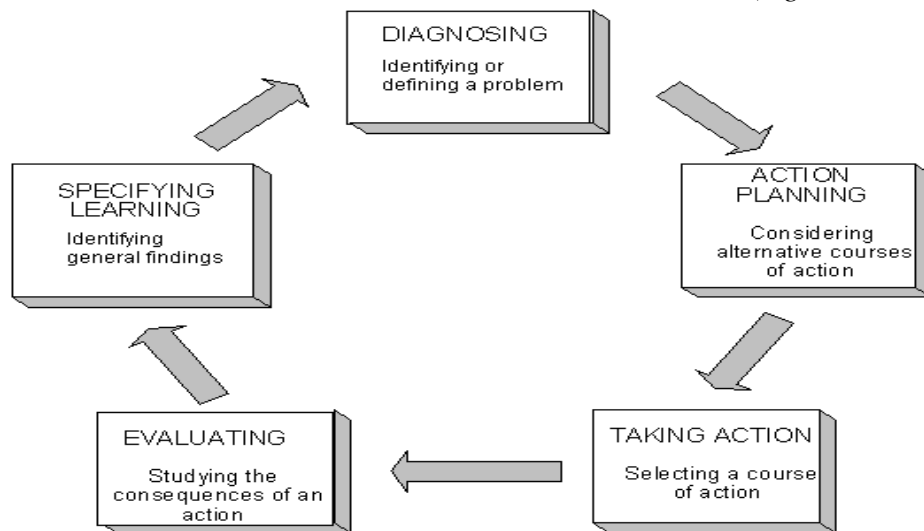
Nghiên cứu chỉ lựa chọn lấy số liệu ở những khoa có giảng dạy TACN, thu thập từ những sinh viên đã và đang học TACN tại ĐHCT bằng cách phát bảng câu hỏi cho đáp viên tự trả lời hoặc qua email kết hợp phỏng vấn trực tiếp, vận dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng. Các phương pháp thu thập số liệu được sử dụng trong nghiên cứu gồm: thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp; phương pháp phân tích số liệu theo thang đo Likert 5 mức từ 1-5 tùy vào mức độ đồng ý: 1=hoàn toàn không đồng ý; 2=không đồng ý; 3=bình thường; 4=đồng ý; 5=hoàn toàn đồng ý [6].

➤ **Mô hình nghiên cứu hành động**



Hình 2. Mô hình nghiên cứu hành động chi tiết

(Nguồn: Susman 1983)



Kemmis và McTaggart đã phát triển một mô hình về nghiên cứu hành động. Họ đề xuất mô hình xoắn ốc bao gồm bốn bước: lập kế hoạch (plan), hành động (action), quan sát (observe) và thẩm định (reflect). Trong đó, vòng tròn thứ nhất có thể được lặp đi lặp lại theo hình xoắn ốc cho đến khi người thực hiện đã đạt được mục đích nghiên cứu hoặc thỏa mãn được yêu cầu đã đặt ra [7].

Gerald Susman đưa ra một danh sách phức tạp hơn. Ông phân biệt năm giai đoạn được thực hiện trong mỗi chu trình nghiên cứu. Ban đầu, một vấn đề được xác định và dữ liệu được thu thập cho một chẩn đoán chi tiết hơn. Tiếp theo là một tập hợp các giải pháp tập thể có thể, từ đó một kế hoạch hành động duy nhất xuất hiện và được thực hiện. Dữ liệu về kết quả can thiệp được thu thập và phân tích, và những phát hiện này được hiểu theo cách thành công của hành động. Tại thời điểm này, vấn đề được đánh giá lại và quá trình bắt đầu một chu kỳ khác [10]. Quá trình này tiếp tục cho đến khi vấn đề được giải quyết.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng của việc áp dụng NCHĐ tại trường ĐHCT

Sự hiểu biết của giảng viên về NCHĐ

Sự hiểu biết của GV về NCHĐ trong dạy học khá đa dạng. Trong đó, ý kiến NCHĐ giúp GV đưa ra yêu cầu cho sinh viên phù hợp là lựa chọn nhiều nhất chiếm tỉ lệ 10,9%. Tiếp đến, ý kiến NCHĐ sẽ khích lệ GV để sinh viên tham gia đưa ra ý kiến quyết định về những vấn đề xảy ra trong quá trình học và các vấn đề có liên quan đến chương trình giảng dạy và giúp GV theo dõi những tiến bộ trong quá trình học của sinh viên là lựa chọn nhiều thứ hai, chiếm 9,4%. Có thể thấy, nhận thức của GV về NCHĐ tập trung nhiều vào phương pháp giảng dạy, điều chỉnh cách dạy để phù hợp với tình hình sinh viên học TACN.

Sự hiểu biết của sinh viên về NCHĐ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự hiểu biết của sinh viên về NCHĐ có một vài điểm tương đồng với GV. Trong đó, ý kiến NCHĐ giúp GV thay đổi cách dạy theo hướng sinh động hơn là nhiều nhất chiếm tỉ lệ 21,8%. Ngoài ra, ý kiến NCHĐ gắn liền với việc phát triển chuyên môn của người giảng viên tiếng Anh và chất lượng của người học chiếm tỉ lệ 21,6% và NCHĐ sẽ khích lệ sinh viên đưa ra ý kiến quyết định về những vấn đề xảy ra trong quá trình học và các vấn đề có liên quan đến chương trình giảng dạy chiếm tỉ lệ 21,4%. Điều này cho thấy, nhận thức của sinh viên về NCHĐ nói về phương pháp giảng dạy còn tập trung vào vấn đề chất lượng của người dạy và người học. Đây là điểm khác giữa GV và sinh viên khi nói về NCHĐ. Hơn thế nữa, chất lượng của người dạy có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của người học và sinh viên phải bỏ một khoản chi phí để tham gia các lớp học kiến thức ở nhà trường cho nên sinh viên thường mong muốn sẽ được nhận lại những kết quả đúng như mong muốn và khoản chi phí đã bỏ ra. Vì vậy, ngoài phương pháp giảng dạy, sinh viên còn quan tâm đến chất lượng người dạy và người học.

2.2.2. Những khó khăn trong việc áp dụng NCHĐ vào dạy học kỹ năng đọc hiểu

Áp dụng NCHĐ trong việc dạy học kỹ năng đọc hiểu của sinh viên gặp không ít khó khăn. Đối với GV, một số khó khăn mà họ thường gặp được thể hiện qua Bảng 2.

Có thể thấy rằng, những khó khăn của GV đều xuất phát từ yếu tố trường học. Điều này cho thấy, ĐHCT vẫn chưa có chính sách hỗ trợ và quan tâm đến việc áp dụng NCHĐ vào giảng dạy kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên. Thêm vào đó, mặc dù đã xuất hiện khá lâu nhưng NCHĐ chỉ mới được biết đến ở Việt Nam nên thuật ngữ hay tài liệu về NCHĐ trong giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam không nhiều gây khó khăn cho GV và sinh viên.

Bảng 2. Những khó khăn (tỉ lệ cao hơn so với những khó khăn khác khi nghiên cứu) của GV trong việc áp dụng NCHĐ vào việc dạy học kỹ năng đọc hiểu của sinh viên

Khó khăn của GV	Tỉ lệ (%)
Chưa có nhiều tài liệu và môi trường để sinh viên thực tập	19,4
Nguồn tài liệu về TACN chưa phong phú	19,4
Bị giới hạn về thời gian của khóa học	12,9
Chưa có chương trình đào tạo, khóa tập huấn cho cán bộ giảng dạy TACN	12,9

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, 2018)

GV thường lựa chọn giảng dạy đầy đủ lý thuyết rồi mới tổ chức thực hành hoặc lồng ghép thực hành vào lý thuyết. Điều này làm ảnh hưởng đến quá trình thực hành, khiến sinh viên không có cơ hội tiếp cận thực tế. Đa số sinh viên dành rất ít thời gian cho việc tự học, không có định hướng rõ ràng, không hiểu rõ cách học, không chủ động tìm kiếm các phương pháp học tập phù hợp hoặc không có môi trường phù hợp trau dồi kỹ năng đọc hiểu học phần TACN dẫn đến kết quả không như kì vọng. Mặt khác, tài liệu phục vụ cho học phần này ở các ngành đào tạo vẫn còn nhiều thiếu sót, chưa có tính thống nhất (do mỗi học kì đều thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình,...) nên sinh viên không có nguồn tài liệu chính xác để tham khảo. Vì vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy 16,5% sinh viên mong muốn có thêm nhiều nguồn tài liệu tham khảo và 19,4% GV đồng ý nguồn tài liệu về TACN chưa được phong phú, phù hợp với yêu cầu môn học.

Bên cạnh đó, sinh viên nhận thức không đúng về vai trò của học phần TACN việc đọc hiểu nên một bộ phận sinh viên trong trạng thái học đối phó và thụ động trong hoạt động xây dựng bài. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra có 12,9% GV cho rằng sinh viên còn thụ động khiến GV gặp khó khăn trong ứng dụng NCHĐ vào giảng dạy.

Ngoài ra, phân bổ thời gian giữa việc học với việc cá nhân cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng NCHĐ. Ngày nay, sinh viên thường dành nhiều thời gian sử dụng điện thoại thông minh, mạng xã hội, tụ họp bạn bè hoặc làm công việc bán thời nên thời gian tự học giảm đi. Với GV thì do khối lượng công việc quá nhiều dẫn đến chi phối sự tập trung trong hoạt động giáo dục.

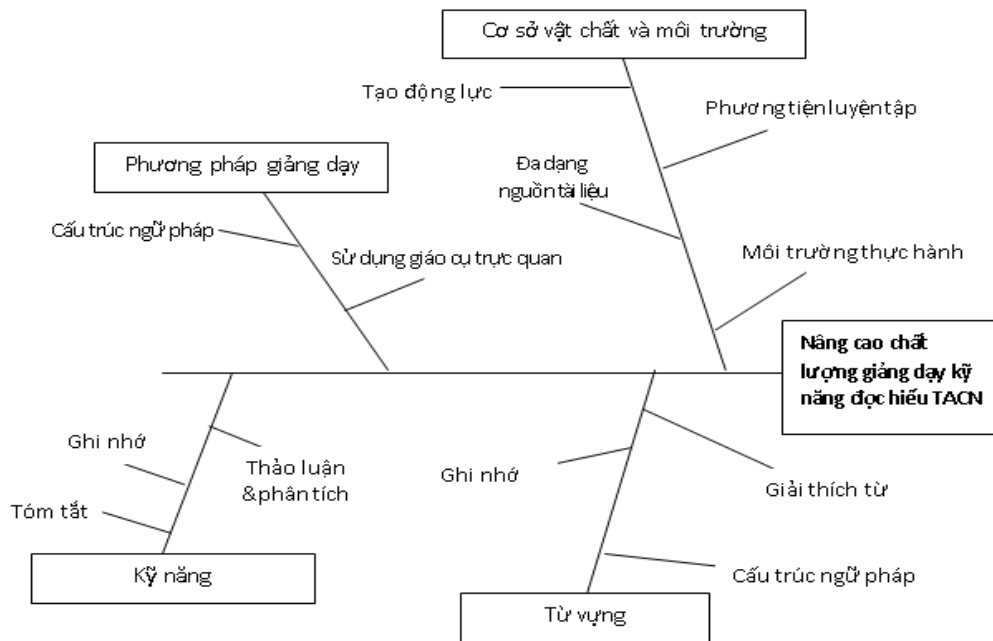
2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng NCHĐ trong việc nghiên cứu cải tiến chất lượng giảng dạy

Kết quả khảo sát cho thấy, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng NCHĐ, trong đó môi trường và cơ sở vật chất là yếu tố có tác động nhiều nhất.

Môi trường và cơ sở vật chất (MT&CSVC): bao gồm môi trường học trên lớp, môi trường thực hành, môi trường nhà trường trong việc đưa ra chính sách, quy định,... về tín chỉ, tiết học. Đây là điều kiện cần thiết và quan trọng để phát triển việc ứng dụng NCHĐ trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu TACN cho sinh viên.

Từ vựng (TV): Từ vựng giúp sinh viên nắm được nội dung bài đọc chính xác. Tuy nhiên, rất nhiều sinh viên gặp hạn chế trong kỹ năng đọc hiểu vì thiếu vốn từ vựng do đa phần các bạn chỉ chú trọng vào kỹ năng nghe nói do điều kiện xã hội cần sự giao tiếp tốt. Từ đó, sinh viên bị hạn chế vốn từ dẫn tới việc nhầm lẫn các bài đọc hiểu.

Kỹ năng (KN): KN đọc hiểu bao gồm nhiều KN khác nhau (KN tóm tắt bài đọc, KN ghi nhớ nội dung, KN phân tích vấn đề,...). Đối với sinh viên, các KN này được rèn luyện và nâng cao thông qua hoạt động đọc hiểu TACN. Đối với GV, KN được tích lũy qua kinh nghiệm giảng dạy hàng năm; trau dồi từ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và ứng dụng NCHĐ trong giảng dạy các học phần; học tập từ các bạn sinh viên trong từng giờ trên lớp,...



Hình 3. Mô hình nhân quả trong ứng dụng NCHĐ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng đọc hiểu TACN

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, 2018)

Phương pháp giảng dạy (PPGD): Phương pháp giảng dạy có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập và hiệu quả trong việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu học phần TACN của sinh viên. GV có phương pháp giảng dạy đa dạng, mang lại hứng thú thì sinh viên sẽ dễ học và nắm bắt được nội dung bài học tốt hơn, giúp phát triển thêm về kỹ năng đọc hiểu.

3. Kết luận

Nghiên cứu xây dựng cơ sở đề xuất giải pháp dựa trên 3 cách tiếp cận: (1) tham khảo bài học kinh nghiệm của một số quốc gia và công trình nghiên cứu lý thuyết trên thế giới, (2) cơ sở chính sách hỗ trợ, (3) kết quả thực tiễn từ nghiên cứu. Từ những cơ sở đó, nghiên cứu đề ra một số ý kiến sau:

(1) Hỗ trợ cơ sở vật chất và môi trường thực hành trong việc ứng dụng NCHĐ trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu TACN cho sinh viên;

(2) Tổ chức những buổi tập huấn mang tính chất thực hành NCHĐ trong giáo dục cho GV và sinh viên tham gia;

(3) Thay đổi phương pháp dạy học nhằm thúc đẩy tính hiệu quả, tăng hứng thú cho sinh viên trong việc tiếp nhận kỹ năng đọc hiểu TACN;

Thực trạng của việc áp dụng nghiên cứu hành động trong việc nâng cao chất lượng...

(4) Truyền thông nâng cao tầm quan trọng của học phần TACN và thúc đẩy việc ứng dụng NCHĐ trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu TACN.

Nghiên cứu cho thấy thực trạng sự hiểu biết về NCHĐ trong giảng dạy TACN của giảng viên và sinh viên và một số khó khăn trong việc áp dụng NCHĐ trong dạy học kỹ năng đọc hiểu. Về phía GV, khó khăn chủ yếu xuất phát từ các yếu tố trường học. Về phía sinh viên đa phần đều mong muốn một số vấn đề: nâng cao tầm quan trọng của TACN, đa dạng nguồn tài liệu, trang bị phương tiện, thiết bị, môi trường thực hành dành riêng cho luyện tập TACN,... Có 4 nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng NCHĐ trong việc cải tiến chất lượng dạy và học gồm: môi trường và cơ sở vật chất, từ vựng, kỹ năng và phương pháp giảng dạy. Trong đó, môi trường và cơ sở vật chất là nhân tố có tác động lớn nhất. Từ đó nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy học TACN, đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu thông qua NCHĐ tại địa bàn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Charles Fadel, 2012. “Skills for 21st Century: What should students learn? Center for curriculum redesign, Boston, Massachusetts. file:///C:/Users/PCL/Downloads/CCR-Skills_FINAL_June2015.pdf.
- [2] Chu Bảo Hiệp, 2014. *Các giải pháp cải tiến phương pháp giảng dạy ở bậc đại học theo hướng hiện đại*. Tham luận tại Hội thảo Cải tiến phương pháp giảng dạy ở Bậc đại học, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.
- [3] Dudley-Evans, T., 1998. *Research perspectives on English for academic purposes*. Cambridge: Cambridge University Press, ISBN: 0 521 80518 X.
- [4] Dương Đức Minh, 2012. *Ứng Dụng Phương Pháp Nghiên Cứu Hành Động (Action Research) vào Hoạt Động Dạy Học Nhằm Nâng Cao Chất Lượng Giảng Dạy Môn Tiếng Anh*. Tạp Chí Khoa Học số 3(26). 80-88.
- [5] Gregory S. C. Hine, 2013. “*The importance of action research in teacher education programs*”. Issues in Educational Research, 23(2), 2013: Special Issue (151-163)
- [6] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu với SPSS* (Tập 01, 02), NXB TP HCM.
- [7] Kemmis, S., & McTaggart, R., 2008. *Participatory Action Research: Communicative Action and The Public Sphere*. In N. K. Denzin & Y. S. Lincoln (Eds.), Strategies of qualitative inquiry (3rd ed., Vol. 2, pp. 271- 330). Thousand Oaks, CA: Sage.
- [8] Kennedy, C & Bolitho, R, (2011), *English for specific purposes London*: Macmillan. Volumul VII, Nr. 2, iunie 2011, (95-102).
- [9] Mills, G., 2003. *Action research: A guide for the teacher researcher*. Upper Saddle River: Merrill Prentice Hall, 2nd ed, ISBN: 0130422541, 235p.
- [10] Susman, G. I., 1983. *Action research: a sociotechnical systems perspective*. London: Sage Publications. In: Morgan, G., Ed., Beyond Method: Strategies for Social Research, Sage, Newbury Park, 95-113.

Trần Thị Diễm Cần

ABSTRACT

Action Research in Improving the Quality of Teaching – Learning Reading Comprehension Skills into English for Specific Purposes (ESP) at Can Tho University

Tran Thi Diem Can

School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University

The study was conducted to learn about the understanding of teachers and students of Can Tho University (CTU) on action research (AR), thereby the study identified and analyzed factors affecting the application of AR in improving the quality of teaching reading comprehension skills for students studying in ESP at CTU. Research data were collected by interviewing 20 English teachers and 200 students studying in ESP at CTU. Descriptive statistical methods, Cronbach's Alpha testing, Exploratory factor analysis and multivariate regression analysis were used in the study. The research results showed the English teachers and the ESP students participating in this study have a positive perception of AR in the quality of teaching – learning reading comprehension skills into English for ESP at CTU, especially not only for their teaching and learning process. In addition, the study also pointed out that there are four factors affecting the application of AR in improving the quality of teaching and learning ESP such as environment and facilities, skills, teaching methods and vocabularies; In particular, the environment and facilities are the most influential factors to improve the quality of teaching reading comprehension skills for ESP students.

Keywords: Action research, Can Tho University, ESP.